

TÔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Hà Nội, tháng 3 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Vũ Thị Huyền Đức	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 16/09/2016)
Ông Đặng Việt Anh	Ủy viên (Miễn nhiệm tháng 10/2016)
Ông Lê Trung Thành	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/09/2016)
Bà Vũ Thị Huyền Đức	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/10/2016)
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/10/2016)
Ông Nguyễn Hồng Khanh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/10/2016)
Bà Trần Thị Múi	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/09/2016)
Bà Ngô Thị Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/09/2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Số: 189 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30/03/2017, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thực hiện được thủ tục tham gia chứng kiến kiểm kê quỹ tiền mặt và hàng tồn kho của Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư là chi nhánh của Tổng Công ty. Tại ngày 31/12/2016, số dư tiền mặt tại quỹ và hàng tồn kho của Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư lần lượt là 946.069.471 đồng và 10.666.085.928 đồng. Chúng tôi cũng không thực hiện được các thủ tục thay thế, nên chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp, do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty.


Báo cáo Công ty Mía đường Trà Vinh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 09/10/2016 để cộng hợp vào báo cáo này chưa được kiểm toán. Tổng doanh thu, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty Mía Đường Trà Vinh lần lượt là 372.807.518.826 đồng, 349.870.698.341 đồng, 6.548.021.774 đồng, 1.708.602.544 đồng và 8.889.320.726 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)


Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2015-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017


Chử Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		871.275.583.145	918.677.605.290
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	44.595.635.839	440.997.840.294
1. Tiền	111		23.885.691.195	71.497.840.294
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.709.944.644	369.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	68.507.256.767
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	68.507.256.767
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		510.472.535.645	289.331.940.184
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	93.653.886.517	31.513.011.107
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	192.130.457.477	60.541.997.348
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	182.551.000.000	96.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	44.961.683.364	105.054.622.155
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.824.491.713)	(3.777.690.426)
IV. Hàng tồn kho	140	11	281.987.613.448	107.386.654.964
1. Hàng tồn kho	141		281.987.613.448	107.501.227.933
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(114.572.969)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.219.798.213	12.453.913.081
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	2.910.170.372
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.653.802.001	9.535.660.491
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	2.565.996.212	8.082.218
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		278.760.523.957	362.047.761.126
I. Tài sản cố định	220		9.330.270.957	110.824.024.311
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	9.330.270.957	110.817.173.976
- Nguyên giá	222		15.057.454.625	287.381.265.619
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.727.183.668)	(176.564.091.643)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	6.850.335
- Nguyên giá	228		-	283.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(276.149.665)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	16.098.536.816
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	16.098.536.816
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	269.430.253.000	233.932.913.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		97.795.784.000	43.378.444.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		145.913.413.000	164.833.413.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		34.592.500.000	34.592.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.871.444.000)	(8.871.444.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		-	1.192.286.999
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	1.192.286.999
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.150.036.107.102	1.280.725.366.416

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		686.258.346.148	801.951.193.435
I. Nợ ngắn hạn	310		649.067.009.873	739.060.135.204
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	235.099.170.924	59.728.745.130
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	59.920.801.064	79.721.301.833
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	696.372.194	4.297.714.308
4. Phải trả người lao động	314		1.558.302.905	8.224.500.381
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	15.551.645.200	13.017.471.073
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		267.977.271	394.886.363
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	43.868.736.755	410.475.444.763
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	291.233.610.123	162.694.182.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		870.393.437	505.889.353
II. Nợ dài hạn	330		37.191.336.275	62.891.058.231
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	18	37.191.336.275	35.091.336.275
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	-	27.799.721.956
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		463.777.760.954	478.774.172.981
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	463.723.870.140	478.720.282.167
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		430.490.990.000	430.490.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		430.490.990.000	430.490.990.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.078.575.039	5.666.028.508
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.154.305.101	42.563.263.659
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	1.826.482.654
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.154.305.101	40.736.781.005
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		53.890.814	53.890.814
1. Nguồn kinh phí	431		53.890.814	53.890.814
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.150.036.107.102	1.280.725.366.416



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiến
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.240.174.716.657	1.171.400.157.190
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	93.761.369
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	1.240.174.716.657	1.171.306.395.821
4. Giá vốn hàng bán	11	24	1.178.903.738.584	1.121.390.589.386
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		61.270.978.073	49.915.806.435
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	61.044.200.410	45.126.256.148
7. Chi phí tài chính	22	27	32.220.864.063	15.627.189.013
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.814.471.309	7.589.486.740
8. Chi phí bán hàng	25	28	12.320.547.857	10.815.622.882
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	24.179.316.260	24.399.997.080
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		53.594.450.303	44.199.253.608
11. Thu nhập khác	31		5.828.986.760	4.604.214.977
12. Chi phí khác	32		2.629.234.658	1.606.307.823
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	29	3.199.752.102	2.997.907.154
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		56.794.202.405	47.197.160.762
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	3.839.400.789	6.460.379.757
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		52.954.801.616	40.736.781.005



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiến
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	56.794.202.405	47.197.160.762
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	819.854.253	11.047.780.226
Các khoản dự phòng	3	48.348.385	7.788.098.087
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	7.492.450	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(61.124.827.564)	(37.501.524.907)
Chi phí lãi vay	6	12.814.471.309	7.589.486.740
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	9.359.541.238	36.121.000.908
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(163.060.481.808)	5.470.682.569
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(195.622.690.751)	(71.001.079.300)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(188.027.388.308)	453.630.238.630
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	42.653.952	(2.406.428.389)
Tiền lãi vay đã trả	13	7.863.182.816	(16.337.973.312)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.804.201.413)	(6.244.895.980)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	377.752.030	1.255.185
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.377.565.143)	(2.503.840.468)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(540.249.197.387)	396.728.959.843
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.043.945.455)	(13.385.438.498)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.292.181.674	382.101.205
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(86.551.000.000)	(246.901.204.046)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	42.000.000.000	81.141.211.629
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(52.017.340.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	94.521.625.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	50.338.295.040	29.475.288.168
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	48.539.816.259	(149.288.041.542)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	156.339.150.079	439.589.939.259
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	2.172.615.044	(377.974.462.835)
3. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(63.197.096.000)	(10.039.333.796)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	95.314.669.123	51.576.142.628
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(396.394.712.005)	299.017.060.929
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	440.997.840.294	141.980.779.365
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(7.492.450)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	44.595.635.839	440.997.840.294



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiến
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần chuyển đổi từ Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty TNHH Một thành viên, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy Chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0100114314 ngày 30/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 25/03/2016.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh là 430.490.990.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2016 là 56 người (tại ngày 31/12/2015 là 448 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Trồng cây mía;
- Bán buôn thực phẩm;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất đường, ca cao, sôcôla và mút kẹo;
- Sản xuất rượu vang, bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn đồ uống;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn, máy móc thiết bị, thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty Mía đường Trà Vinh không còn là chi nhánh của Tổng Công ty tại ngày 06/10/2016.

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương trở thành công ty con của Tổng Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công không còn là công ty con của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau: Công ty Thương mại Tư vấn & Đầu tư, Công ty Mía đường Trà Vinh, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và các công ty con, công ty liên doanh liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Quận Sơn Tây, TP. Hà Nội	760.537	88,53%	88,53%	Kinh doanh các sản phẩm từ đường
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	1.711.500	71,22%	71,22%	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	7.988.134	62,19%	62,19%	Sản xuất chế biến đường
Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài	Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa		17,50%	50,00%	Sản xuất sản phẩm đường mía
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	4.488.446	44,85%	44,85%	Sản xuất bánh, kẹo, thực phẩm

Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Các cổ đông lớn: Công ty TNHH XNK và Thương mại Hợp Thịnh, Công ty TNHH Kim Hà Việt;
- Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị quản lý	05 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là bản quyền công nghệ phân xưởng vi sinh Công ty được chuyển giao và phần mềm máy tính, tài sản được khấu hao trong 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của đại hội đồng cổ đông và điều lệ Tổng Công ty.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.741.448.797	923.709.136
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.144.242.398	70.574.131.158
Các khoản tương đương tiền (i)	20.709.944.644	369.500.000.000
Cộng	44.595.635.839	440.997.840.294

Ghi chú: (i) Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất tiền gửi từ 4,8% - 5,2%/năm. Các khoản tiền gửi ngân hàng này đang được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay trình bày ở Thuyết minh số 20.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	93.653.886.517	31.513.011.107
Công ty CP Mía Đường Sơn Dương	53.706.738.906	6.631.220.816
Công ty TNHH An Hà	13.902.560.001	-
Công ty CP TM và Dịch vụ Song Phương	6.209.999.991	-
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	2.501.930.601	-
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	1.585.023.583	1.237.500
Công ty CP Lò hơi Ngô Châu	124.921.165	1.322.000.000
Các đối tượng khác	15.622.712.270	23.558.552.791
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	59.503.598.560	16.800.698.926
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	3.142.599.978	10.095.407.010
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	53.706.738.906	6.631.220.816
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	1.585.023.583	1.237.500
Công ty TNHH Đường Mía Việt Nam - Đài Loan	442.028.633	72.833.600

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	192.130.457.477	60.541.997.348
Công ty TNHH Kim Hà Việt	49.931.489.999	-
Công ty TNHH XNK & TM Hợp Thịnh	36.777.733.333	4.800.000.000
Công ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	16.500.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Hải Nhung	30.306.320.000	-
Công ty TNHH Đức Lộc	30.300.000.000	-
Công ty SXTM Hải Hà	10.000.000.000	-
Các đối tượng khác	18.314.914.145	55.741.997.348
b) Trả trước cho người bán là bên liên quan	93.499.617.459	5.250.299.999
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	964.179.980	450.299.999
Công ty TNHH Kim Hà Việt	49.931.489.999	-
Công ty TNHH XNK & TM Hợp Thịnh	36.777.733.333	4.800.000.000
Công ty Mía đường Sơn Dương	5.826.214.147	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Công ty CP Mía đường Sơn Dương - Bên liên quan (i)	182.551.000.000		96.000.000.000	
Cộng	182.551.000.000		96.000.000.000	

Ghi chú (i): Là khoản ứng vốn cho Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương theo hợp đồng số 45/2014 - ĐSD&TCT.MĐI ngày 22/12/2014 kèm phụ lục số 01 ngày 29/01/2015, hợp đồng số 08/2015 - ĐSD&TCT.MĐI ngày 30/09/2015, hợp đồng số 10/2016-ĐSD&TCT.MĐI và hợp đồng số 11/2016-ĐSD&TCT.MĐI ngày 20/06/2016.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	44.961.683.364	-	105.054.622.155	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.425.167.854	-	60.000.000	-
Tạm ứng	550.014.511	-	2.673.880.202	-
Công ty CP Mía đường Sơn Dương - Bên liên quan	11.881.048.597	-	90.527.408.079	-
Phải thu phần CLTG với Công ty CP Mía đường Sơn Dương - Bên liên quan (i)	1.837.913.396	-	-	-
Công ty Cổ phần KNTP 19/5 - Bên liên quan	5.394.116.100	-	2.119.758.902	-
Công ty CP Thực phẩm Vạn Diêm	381.356.868	-	381.356.868	-
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	4.769.028.202	-	-	-
Các đối tượng khác	723.037.836	-	9.292.218.104	-

Ghi chú: (i) Là khoản đánh giá lại chênh lệch tỷ giá phải trả nhà cung cấp Guangxi Mingyang Import and Export Trade Company Limited mà theo hợp đồng số 35/2016/HĐ-ĐSD, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương sẽ chịu khoản này.

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Lilama Hà Nội	1.657.200.000	-	1.657.220.000	-
Công ty CP Thực phẩm Vạn Diêm	821.256.312	-	821.256.312	-
Công ty CP bánh kẹo Hải Châu	100.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	451.926.102	205.890.701	1.614.516.180	315.302.066
Cộng	3.030.382.414	205.890.701	4.092.992.492	315.302.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. HÀNG TỒN KHO**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	131.229.020	-	8.850.901.540	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	135.644.713	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	267.360.992.729	-	47.210.052.521	-
Thành phẩm	-	-	7.054.017.961	-
Hàng hóa	14.495.391.699	-	44.250.611.198	114.572.969
Cộng	281.987.613.448	-	107.501.227.933	114.572.969

Ghi chú: (i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các chi phí tập hợp của dự án thiết kế, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, mua sắm thiết bị và vật tư xây lắp công trình nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang công suất 25MW, TBA - trạm cắt cao thế theo hợp đồng số 35/2016/HĐ-ĐSD ngày 15/03/2016 giữa Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương và Liên danh nhà thầu là Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Lisemco 2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TẶNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	111.474.907.988	162.751.805.611	12.631.940.011	522.612.009	287.381.265.619
Tăng do mua sắm mới	-	637.636.219	1.043.945.455	-	1.681.581.674
Xây dựng hoàn thành	16.284.085.385	-	-	-	16.284.085.385
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.064.343.027)	-	(1.064.343.027)
Giảm do thành lập Công ty TNHH MTV	(119.068.526.969)	(163.389.441.830)	(6.389.466.439)	(377.699.788)	(289.225.135.026)
Mía đường Trà Vinh					
Số cuối năm	8.690.466.404	-	6.222.076.000	144.912.221	15.057.454.625
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	65.933.920.043	104.662.768.089	5.650.689.338	316.714.173	176.564.091.643
Khấu hao trong năm	4.984.578.960	6.490.628.096	824.990.572	39.580.621	12.339.778.249
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	(800.227.436)	-	(800.227.436)
Giảm do thành lập Công ty TNHH MTV	(66.574.247.041)	(111.153.396.185)	(4.437.432.989)	(211.382.573)	(182.376.458.788)
Mía đường Trà Vinh					
Số cuối năm	4.344.251.962	-	1.238.019.485	144.912.221	5.727.183.668
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	45.540.987.945	58.089.037.522	157.101.116.273	205.897.836	110.817.173.976
Số cuối năm	4.346.214.442	-	4.984.056.515	-	9.330.270.957

Giá trị còn lại của tài sản cố định là tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2016 là 3.505.563.938 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 33.135.575.559 đồng) như trình bày ở Thuyết minh số 20.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 144.912.222 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 58.139.886.191 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	210.000.000	73.000.000	283.000.000
Giảm do thành lập Công ty TNHH MTV Mía đường Trà Vinh	(210.000.000)	(73.000.000)	(283.000.000)
Số cuối năm	-	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	210.000.000	66.149.665	276.149.665
Khấu hao trong năm	-	6.850.335	6.850.335
Giảm khác	(210.000.000)	(73.000.000)	(283.000.000)
Số cuối năm	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	6.850.335	6.850.335
Số cuối năm	-	-	-

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MÃ SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	97.795.784.000	(8.871.444.000)	88.924.340.000	43.378.444.000
- <i>Đầu tư vào công ty con</i>	8.871.444.000	(8.871.444.000)	-	8.871.444.000
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	17.987.000.000	-	17.987.000.000	17.987.000.000
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	-	-	-	16.520.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	70.937.340.000	-	70.937.340.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	145.913.413.000	-	145.913.413.000	164.833.413.000
- <i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	97.186.320.000	-	97.186.320.000	97.186.320.000
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	48.727.093.000	-	48.727.093.000	48.727.093.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	-	-	-	18.920.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	34.592.500.000	-	34.592.500.000	34.592.500.000
- <i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	34.592.500.000	-	34.592.500.000	34.592.500.000
Tổng Công ty Mía đường II	278.301.697.000	(8.871.444.000)	269.430.253.000	242.804.357.000
Cộng				233.932.913.000

b) Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Quận Sơn Tây, TP. Hà Nội	760.537	88,53%	88,53%	Kinh doanh các sản phẩm từ đường
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	1.711.500	71,22%	71,22%	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	7.988.134	62,19%	62,19%	Sản xuất chế biến đường

Tình hình hoạt động của các công ty con trong năm như sau: Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5, Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger và Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương lãi.

Toàn bộ phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương tương ứng với 1.548.000 cổ phần được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay trình bày ở Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

c) Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài	Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa		17,50%	50,00%	Sản xuất sản phẩm đường mía
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	4.488.446	44,85%	44,85%	Sản xuất bánh, kẹo, thực phẩm

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết trong năm đều lãi.

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay trình bày ở Thuyết minh số 20.

d) Chi tiết về khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Là khoản đầu tư góp vốn vào Tổng Công ty Mía Đường II với số lượng là 3.425.000 cổ phiếu chiếm 5% vốn điều lệ.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	235.099.170.924	235.099.170.924	59.728.745.130	59.728.745.130
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	126.563.343.080	126.563.343.080	40.470.825.514	40.470.825.514
Guangxi Mingyang Import and Export Trade Company Limited	84.768.849.650	84.768.849.650	-	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Anh	8.535.812.000	8.535.812.000	-	-
Các đối tượng khác	15.231.166.194	15.231.166.194	19.257.919.616	19.257.919.616
b) Phải trả người bán là bên liên quan	127.079.414.707	127.079.414.707	42.575.290.364	42.575.290.364
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	126.563.343.080	126.563.343.080	40.470.825.514	40.470.825.514
Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà Nội	516.071.627	516.071.627	2.104.464.850	2.104.464.850

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	59.920.801.064	79.721.301.833
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	39.863.850.000	-
Công ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	15.570.120.000	97.614.000
Các đối tượng khác	4.486.831.064	79.623.687.833
a) Người mua trả tiền trước là bên liên quan	41.642.864.672	-
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	39.863.850.000	-
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	1.669.215.280	-
Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà Nội	109.799.350	-
Chi nhánh Công ty CP bánh kẹo Hải Châu	42	-

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Điều chỉnh giảm (i)	Số cuối năm
	VND	VND	VND		VND
a) Phải nộp	4.297.714.308	96.926.407.953	99.910.163.115	617.586.952	696.372.194
Thuế giá trị gia tăng	1.807.050.282	91.910.923.899	93.033.085.959	615.613.352	69.274.870
Thuế xuất, nhập khẩu	-	145.978.363	145.978.363	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.718.505.270	3.839.400.789	5.557.906.059	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	718.048.331	698.783.124	793.808.034	400.000	622.623.421
Thuế tài nguyên	54.110.425	187.447.875	239.984.700	1.573.600	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	143.873.903	139.400.000	-	4.473.903
b) Phải thu	8.082.218	80.241.034	2.638.155.028	-	2.565.996.212
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	2.246.295.354	-	2.246.295.354
Thuế nhà đất, tiền thuê nhà đất	8.082.218	80.241.034	72.158.816	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	319.700.858	-	319.700.858

Ghi chú: (i) Điều chỉnh giảm do thành lập Công ty TNHH MTV Mía đường Trà Vinh và không còn là chi nhánh của Tổng Công ty.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	15.551.645.200	13.017.471.073
Chi phí lãi vay phải trả khác (i)	7.200.000.000	10.800.000.000
Lãi vay dự trả	732.063.625	403.796.316
Phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Hải Nhung	6.214.348.662	-
Phí vận chuyển	1.262.082.255	-
Các đối tượng khác	143.150.658	1.813.674.757
Dài hạn	37.191.336.275	35.091.336.275
Chi phí lãi vay phải trả khác (i)	37.191.336.275	35.091.336.275

Ghi chú: (i) Theo biên bản làm việc ngày 28/02/2017 giữa Tổng Công ty và Sở giao dịch Agribank, Tổng Công ty đã được giãn lịch trả nợ với mức trả nợ 7,2 tỷ đồng/năm. Tổng Công ty đã phân loại lại thành khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả tiền cổ tức (i)	21.647.193.500	20.196.647.500
Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước khoản tiền thoái vốn nhà nước (ii)	19.148.900.305	389.456.834.372
Lãi phải trả	2.700.486.511	-
Kinh phí công đoàn	24.334.168	-
Bảo hiểm phải nộp	21.234.695	-
Các khoản phải trả khác	326.587.576	821.962.891
Cộng	<u>43.868.736.755</u>	<u>410.475.444.763</u>

Ghi chú:

- (i) Khoản cổ tức còn phải trả cho các cổ đông theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 1317/NQ-MĐI-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2016 và Nghị quyết số 2859/NQ-MĐI-HĐQT ngày 30/12/2016.
- (ii) Khoản lãi chậm nộp quỹ tiền bán phần vốn phải nộp về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước theo Công văn số 945/ĐTKDV-TCKT ngày 26/04/2016.

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MÃ SỐ B 09-DNBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	291.233.610.123	291.233.610.123	530.890.205.000	674.401.970.123	147.721.845.000	147.721.845.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	80.579.808.500	80.579.808.500	278.160.425.000	261.568.408.500	97.171.825.000	97.171.825.000
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Hoàn Kiếm	67.185.000.000	67.185.000.000	15.000.000.000	82.185.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Liên Việt	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP An Bình	108.241.196.634	108.241.196.634	107.779.780.000	216.020.956.634	20.000	20.000
Ngân hàng Eximbank	29.803.204.989	29.803.204.989	29.850.000.000	29.803.204.989	29.850.000.000	29.850.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Trà Cú	20.000.000.000	20.000.000.000	68.000.000.000	68.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Giảm do thành lập Công ty TNHH MTV Mía đường Trà Vinh	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)	20.000.000.000	-	-	-
Vay cá nhân	5.424.400.000	5.424.400.000	2.100.000.000	6.824.400.000	700.000.000	700.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	20.937.082.000	5.964.745.000	14.972.337.000	14.972.337.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Tĩnh	7.468.337.000	7.468.337.000	3.752.000.000	2.680.000.000	8.540.337.000	8.540.337.000
Ngân hàng Phát triển Trà Vinh	4.461.153.000	4.461.153.000	5.255.592.000	3.284.745.000	6.432.000.000	6.432.000.000
Giảm do thành lập Công ty TNHH MTV Mía đường Trà Vinh	(11.929.490.000)	(11.929.490.000)	11.929.490.000	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	27.799.721.956	-	27.799.721.956	27.799.721.956
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Tĩnh	12.273.317.715	12.273.317.715	2.680.000.000	-	14.953.317.715	14.953.317.715
Ngân hàng Phát triển Trà Vinh	9.561.659.241	9.561.659.241	3.284.745.000	-	12.846.404.241	12.846.404.241
Giảm do thành lập Công ty TNHH MTV Mía đường Trà Vinh	(21.834.976.956)	(21.834.976.956)	21.834.976.956	-	-	-

Chi tiết về các khoản vay, như: Giải ngân, thời hạn hoàn trả gốc, lãi vay, tài sản đảm bảo, tài sản thế chấp, lãi suất, đảo hạn, ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay,... được thể hiện trong từng hợp đồng vay ký giữa Tổng Công ty với tổ chức tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	430.490.990.000	5.666.028.508	31.960.851.950	468.117.870.458
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	40.736.781.005	40.736.781.005
Chi trả cổ tức	-	-	(30.134.369.296)	(30.134.369.296)
Số đầu năm nay	430.490.990.000	5.666.028.508	42.563.263.659	478.720.282.167
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	52.954.801.616	52.954.801.616
Chi trả cổ tức (i)	-	-	(64.573.648.500)	(64.573.648.500)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	2.412.546.531	(5.790.111.674)	(3.377.565.143)
Số cuối năm nay	430.490.990.000	8.078.575.039	25.154.305.101	463.723.870.140

Ghi chú: (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 1317/NQ-MĐI-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2016:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 2.412.546.531 đồng.
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 3.377.565.143 đồng.
- Chia cổ tức: 43.049.099.000 đồng.

Theo Nghị quyết số 2859/NQ-MĐI-HĐQT ngày 30/12/2016:

- Tạm ứng cổ tức năm 2016 đợt 1: 21.524.549.500 đồng.
- Số cổ tức đã trả trong năm là 63.197.096.000 đồng.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH XNK & TM Hợp Thịnh	219.550.400.000	51,00%	-	0,00%
Công ty TNHH Kim Hà Việt	152.328.750.000	35,38%	195.720.950.000	45,46%
Tổng Công ty Mía đường II	34.250.000.000	7,96%	34.250.000.000	7,96%
Công ty CP Mía đường Lam Sơn	2.928.850.000	0,68%	162.606.960.000	37,77%
Vốn góp của các đối tượng khác	21.432.990.000	4,98%	37.913.080.000	8,81%
Cộng	430.490.990.000	100%	430.490.990.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	430.490.990.000	430.490.990.000
- Vốn góp đầu năm	430.490.990.000	430.490.990.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	430.490.990.000	430.490.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	64573648500	30.134.369.296

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	43.049.099	43.049.099
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	43.049.099	43.049.099
- Cổ phiếu phổ thông	43.049.099	43.049.099
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.049.099	43.049.099
- Cổ phiếu phổ thông	43.049.099	43.049.099
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	16.906.900	16.906.900
2. Nợ khó đòi đã xử lý	14.116.925.089	14.116.925.089
3. Ngoại tệ các loại		
USD	100,00	100,00
CNY	-	-

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.240.174.716.657	1.171.400.157.190
Doanh thu bán hàng hóa	1.181.713.919.352	1.165.292.464.996
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.460.797.305	6.107.692.194
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	189.748.332.323	123.660.751.199
Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương	140.774.080.057	53.032.385.429
Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Châu	40.014.453.358	69.020.703.170
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	3.324.975.530	-
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	1.830.861.216	1.607.662.600
Công ty CP Bia Rượu NGK Viger	1.473.378.600	-
Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà nội	1.353.678.800	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	976.904.762	-
Cộng	1.240.174.716.657	1.171.400.157.190
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	-	71.923.750
Giảm giá hàng bán	-	21.837.619
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.240.174.716.657	1.171.306.395.821

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	1.123.057.832.981	1.113.905.135.739
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	55.845.905.603	7.485.453.647
Cộng	1.178.903.738.584	1.121.390.589.386

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	327.706.489.967	341.036.418.191
Chi phí nhân công	45.191.215.840	37.556.485.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.346.628.584	11.133.955.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	331.562.977.129	22.005.528.548
Chi phí bằng tiền khác	13.306.665.252	8.797.604.122
Cộng	730.113.976.772	420.529.991.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	22.394.760.300	17.854.336.692
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.666.762.400	22.180.071.950
Lãi từ chuyển nhượng vốn góp	15.672.875.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	175.879.244	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	133.923.466	5.091.847.506
Cộng	61.044.200.410	45.126.256.148

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.814.471.309	7.589.486.740
Lãi chậm nộp	19.148.900.304	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	7.705.041.920
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.492.450	-
Chi phí tài chính khác	250.000.000	332.660.353
Cộng	32.220.864.063	15.627.189.013

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	13.015.713.071	11.129.313.054
Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị	1.499.756.499	1.085.530.318
Chi phí đồ dùng văn phòng	599.530.333	1.226.366.073
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.064.787.101	917.390.324
Chi phí dự phòng	80.437.239	513.905.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.641.170.903	3.236.500.943
Chi phí bằng tiền khác	5.277.921.114	6.290.990.560
Cộng	24.179.316.260	24.399.997.080
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	3.652.436.419	2.628.112.608
Chi phí vật liệu, bao bì	127.679.190	56.777.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.190.524.443	6.506.677.124
Chi phí bằng tiền khác	1.349.907.805	1.624.055.197
Cộng	12.320.547.857	10.815.622.882

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý tài sản cố định	390.429.864	155.205.527
Thu nhập từ hoạt động cho thuê nhân sự	2.283.621.265	1.590.931.092
Khoản thu hộ tiền thù lao	1.385.433.600	1.394.381.950
vật tư nhập kho	1.380.923.000	-
Thu nhập khác	388.579.031	1.463.696.408
Cộng	5.828.986.760	4.604.214.977
Chi phí khác		
Khoản chi trả hộ tiền thù lao	1.638.693.500	1.394.381.950
Tiền phạt chậm nộp thuế	45.872.225	112.956.611
Chi phí khác	944.668.933	98.969.262
Cộng	2.629.234.658	1.606.307.823
Lợi nhuận khác	3.199.752.102	2.997.907.154

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	56.794.202.405	54.711.310.399
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(37.597.198.461)	(21.778.590.922)
Trừ: Chi phí dự phòng điều chỉnh hồi tố	(7.514.149.637)	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(30.165.334.729)	(22.180.071.950)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	82.285.905	401.481.028
Thu nhập chịu thuế	19.197.003.944	32.932.719.477
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất ưu đãi	-	6.540.154.398
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất thông thường	19.197.003.944	26.392.565.079
Thuế suất ưu đãi	0%	10%
Thuế suất thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.839.400.789	6.460.379.757
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.839.400.789	6.460.379.757

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế và không bao gồm phần thu nhập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 09/10/2016 của Công ty Mía đường Trà Vinh. Việc xác định nghĩa vụ cuối cùng về thuế tùy thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Tổng Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	291.233.610.123	190.493.903.956
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(44.595.635.839)	(440.997.840.294)
Nợ thuần	246.637.974.284	(250.503.936.338)
Vốn chủ sở hữu	463.723.870.140	478.720.282.167
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	53,2%	0,0%

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.595.635.839	440.997.840.294
Phải thu khách hàng và phải thu khác	135.791.078.168	132.789.942.836
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	68.507.256.767
Tổng cộng	180.386.714.007	642.295.039.897
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	291.233.610.123	190.493.903.956
Phải trả người bán và phải trả khác	238.171.813.874	60.550.708.021
Chi phí phải trả	52.742.981.475	48.108.807.348
Tổng cộng	582.148.405.472	299.153.419.325

Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Tổng Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Tổng Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Tổng Công ty bị tổn thất về tài chính. Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Tổng Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tổng Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Tổng Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Tổng Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Tổng Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Tổng Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Tổng Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tình thanh khoản được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.595.635.839	-	44.595.635.839
Phải thu khách hàng và phải thu khác	135.791.078.168	-	135.791.078.168
Tổng cộng	180.386.714.007	-	180.386.714.007
Số cuối năm			
Các khoản vay	291.233.610.123	-	291.233.610.123
Phải trả người bán và phải trả khác	238.171.813.874	-	238.171.813.874
Chi phí phải trả	15.551.645.200	37.191.336.275	52.742.981.475
Tổng cộng	544.957.069.197	37.191.336.275	582.148.405.472
Chênh lệch thanh khoản thuần	(364.570.355.190)	(37.191.336.275)	(401.761.691.465)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	440.997.840.294	-	440.997.840.294
Phải thu khách hàng và phải thu khác	132.789.942.836	-	132.789.942.836
Đầu tư tài chính ngắn hạn	68.507.256.767	-	68.507.256.767
Tổng cộng	642.295.039.897	-	642.295.039.897
Số đầu năm			
Các khoản vay	162.694.182.000	27.799.721.956	190.493.903.956
Phải trả người bán và phải trả khác	60.550.708.021	-	60.550.708.021
Chi phí phải trả	13.017.471.073	35.091.336.275	48.108.807.348
Tổng cộng	236.262.361.094	62.891.058.231	299.153.419.325
Chênh lệch thanh khoản thuần	406.032.678.803	(62.891.058.231)	343.141.620.572

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo biên bản làm việc ngày 28/02/2017 giữa Tổng Công ty và Sở giao dịch Agribank, Tổng Công ty đã được giãn lịch trả nợ khoản lãi với mức trả nợ 7,2 tỷ đồng/năm. Số nợ lãi quá hạn là 8,3 tỷ đồng, số lãi còn lại là 35.091.336.275 đồng sẽ được thanh toán từ năm 2017 đến năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán. Một số số liệu đã được điều chỉnh hồi tố như sau:

<u>Chi tiêu</u>	<u>Số đã báo cáo</u> VND	<u>Trình bày lại</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND
Bảng cân đối kế toán			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	164.507.256.767	68.507.256.767	(96.000.000.000)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	96.000.000.000	96.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.357.294.363)	(8.871.444.000)	(7.514.149.637)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	50.077.413.296	42.563.263.659	(7.514.149.637)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Chi phí tài chính	8.113.039.376	15.627.189.013	7.514.149.637
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.711.310.399	47.197.160.762	(7.514.149.637)



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiến
Người lập